TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 359/2026/QĐST - HNGĐ	*C, ngày 27 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 720/2026/TLST - HNGĐ ngày 30/6/2026 giữa:

- Nguyên đơn: chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Số căn cước công dân: 083176012129, cấp ngày 10/8/2021.

- Bị đơn: Trần Thanh T1, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp D, xã G, tỉnh Cà Mau. Số căn cước công dân: 083071021545.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/7/2026;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/7/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn: chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long và bị đơn: Trần Thanh T1, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp D, xã G, tỉnh Cà Mau

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và Anh Trần Thanh T1 cùng thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị Đỗ Thị T và Anh Trần Thanh T1 thống xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày: 22/10/2018. Khi ly hôn, Chị T và Anh T1 thống nhất giao con chung cho Chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi người con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày: 22/10/2018, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Trần Minh T2 đủ 18 tuổi.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị T và A Trần Thanh T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, Chị T tự nguyện nộp. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo biên lai thu số 0008694 được chuyển thu án phí 150.000đ. H lại cho Chị T số tiền 150.000đ tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau; Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng anh T1 phải nộp, số tiền trên anh T1 nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau.

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
TAND tỉnh Cà Mau;
VKSND Khu vực 8 – Cà Mau;
Phòng THA Khu vực 8 – Cà Mau;
Các đương sự;
Lưu hồ sơ vụ án.